

Mật Tạng Bộ 1 _ No.882 (Tr.416 _ Tr.420)

PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA
HIỆN CHỨNG TAM MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG
QUYỂN THỨ HAI MƯỜI BA

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc
Khanh_ Truyền Pháp Đại Sư, Sa Môn được ban áo tía (kẻ bầy tôi là) nhóm THI HỘ
phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

BẢO BÍ MẬT ÁN MẠN NOA LA QUẢNG ĐẠI NGHI QUỸ
(Ratna-guhya-mudrā-maṇḍala-vidhi-vistara)
PHẦN THỨ HAI MƯỜI

_Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nhập vào **Nhất Thiết Như Lai Quán Đỉnh Tổng Trì Tam Muội Xuất Sinh Bảo Gia Trì Tam Ma Địa** (Sarva-tathāgatābhiseka-dhāraṇī-samaya-sambhava-ratnādhiṣṭhānam samādhi) nói **Tự Án Đại Minh** (Sva-mudrām-mahā-vidya) này là:

“**Án, phộc nhật-la, la đát-na, tốt-đô bé, hồng**”

ॐ वज्र रत्न सुप ह्र

*)OM_VAJRA-RATNA STŪPE HŪM

_Khi ấy, Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-pāṇi) nói **Bản Bộ Xuất Sinh Tự Án Đại Minh** (Sva-kula-sambhavāṃ-sva-mudrām mahā-vidya) này là:

“**Án, phộc nhật-la, bì thi ca, ma la, bì sấn tả, tam ma duệ, hồng**”

ॐ वज्ररत्नमलसिंहात्मसमये ह्र

*)OM_VAJRA-ABHIṢEKA MĀLA-ABHIṢIṂCA SAMAYE HŪM

_Lúc đó, **Kim Cương Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-garbha) nói **Tự Án Đại Minh** (Sva-mudrām-mahā-vidya) này là:

“**Án, phộc nhật-la, la đát-na, bì thi kế, hồng**”

ॐ वज्र रत्नसिंहात्म ह्र

*)OM_VAJRA-RATNA ABHIṢEKE HŪM

_Bấy giờ, **Kim Cương Nhân Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-netra) nói **Tự Án Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la, đạt lý-ma, bì sấn tả, hàm**”

ॐ वज्र दर्मसिंहात्म ह्र

*)OM_VAJRA-DHARMA-ABHIṢIṂCA MĀM HŪM

(Bản khác ghi nhận là: **Oṃ_vajra-dharmābhiṣiṅca mām**)

_Khi ấy, **Kim Cương Xảo Nghiệp Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-viśva-karma) nói **Tự Án Đại Minh** này là:

“**Án, la đát-na, bì thi ca, bố nhạ, tam ma duệ, hồng**”

ॐ रत्नसिंहात्मसमये ह्र

*)OM_RATNA-ABHIṢEKA PŪJA SAMAYE HŪM

(Bản khác ghi nhận là: **Om_sarvābhiṣeka pūjā-samaye hūṃ**)

_Bây giờ, Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói **Tự Bộ Tam Muội Ân Mạn Noa La** (Sva-kula-samaya-mudrā-maṇḍalam) này. Tụng là:

_Nay Ta thứ tự sẽ diễn nói

Tối Thượng Tự Ân Mạn Noa La (Sva-mudrā-maṇḍalam uttamam)

Tướng ấy giống như **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu)

Đây nói tên là **Bảo Bí Mật** (Ratna-guhyam)

_Y **Đại Mạn Noa La** (Mahā-maṇḍala) Pháp Dụng

Thứ tự giảng các Mạn Noa La

Trong ấy, cần phải y Bản Nghi

Vòng khắp đều vẽ ở **Phật Ân** (Buddha-mudrām)

_Trước Kim Cương Giới lại nên vẽ

Tướng **Bảo Già Phu Tọa** (Maṇim-paryāṅka) như Nghi

Phương Nam **Bảo Man** (Maṇi-mālām), Tây **Bảo Liên** (Maṇim-padma)

Bắc vẽ báu với báu vây quanh

Đại Minh của nhóm này là:

“**Ân, đát-la**”

ॐ 𑖀:

*)OM_TRAḤ

“**Ân, ma ni, tam ma duệ, hồng**”

ॐ 𑖀(𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀

*)OM_MANI-SAMAYE HŪṢ

“**Ân, ma ni, la đát-na, bì thi ca, ma lê, hồng**”

ॐ 𑖀(𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀

*)OM_MANI-RATNA-ABHIṢEKA MĀLE HŪṢ

“**Ân, ma ni, la đát-na, bát nột-di, hồng**”

ॐ 𑖀(𑖀 𑖀 𑖀𑖀𑖀 𑖀

*)OM_MANI-RATNA PADME HŪṢ

“**Ân, ma ni, la đát-na, một-lý sắt-trí, tam ma duệ, hồng**”

ॐ 𑖀(𑖀 𑖀 𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀

*)OM_MANI-RATNA-VRṢṬI SAMAYE HŪṢ

_**Bước Kim Cương** (Vajra-vega) rời Đông bày dân

Nhất Thiết Thành Tự Mạn Noa La (Sarva-siddha-maṇḍala)

Trong vẽ **Kim Cương Bảo** (Vajra-ratna) như Nghi

Với ngọc **Đại Kim Cương Ma Ni** (Mahā-vajra-maṇim)

Ở ấy, các phần vị giáp vòng

Cùng tướng báu hợp, vẽ các Ân

Y thứ tự ấy như Pháp Nghi

Bảo A Xà Lê nên vẽ khắp

Đại Minh của nhóm này là:

“**Ân, tát lý-phộc lật-tha, tát đề, bát-la nỉ (1) ma hạ phộc nhật-la, la đát-na (2) ma ni, la đát-na, tam ma duệ (3) ma ni, tát lý-phộc lý-thang, di (4) sa đà dã, đà la ni, hồng (5)**”

ॐ सकेय (सिद्धि प्रद महावज्ररत्न मणि वसुधै मणि सकेयं म सवय
दरणि हं

*)OM_ SARVĀRTHA-SIDDHI-PRADE _ MAHĀ-VAJRA-RATNA _ MAṆI-
RATNA-SAMAYE _ MAṆI SARVĀRTHAM ME _ SĀDHAYA DHĀRANĪ HŪM
(Bản khác ghi nhận là: **Om_ sarvārtha-siddhi-prade mahā-vajra-ratna-
samaya maṇi sarvārthān me sādahaya dhāraṇī hūm**)

“Án, ma ni, la dát-na, cát lý-thi”

ॐ मणि रत्नकेय

*)OM_ MAṆI-RATNĀKARṢĪ

“Án, ma ni, la dát-na, tam ma dương, cô xá-dã, cát lý-sa dã (1) ma ni cô lãm,
nhược (2)”

ॐ मणि रत्नकुशयकारसा मणिकुलं जह

*)OM_ MAṆI-RATNĀMKUŚĀYĀKARṢAYA MAṆI-KULAM _ JAḤ

“Án, ma ni, la nga, tam ma duệ, hông”

ॐ मणिरत्नसमये हं

*)OM_ MAṆI-RĀGA-SAMAYE HŪM

“Án, ma ni, sa lý-dề, hông”

ॐ मणिसरद्धि हं

*)OM_ MAṆI SA-RDDHI HŪM

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ maṇi-sāthrī hūm**)

_ Dừng bước Kim Cương mà tiến dần
_ Nam: bày Mạn Noa La thứ hai
_ Trong ấy nên vẽ nơi **Bảo Châu** (Maṇim)
_ Với vẽ hai mắt mà tròn đủ
_ Nơi ấy, các phần vị giáp vòng
_ Như Giáo đã nói, y thứ tự
_ Vẽ **Bảo Tiêu Xí** (Maṇi-cihna) đều tròn đủ
_ Vòng khắp với vẽ nơi **Bản Ấn** (Sva-mudrā)
_ **Đại Minh** của nhóm này là:

“Án, phộc nhật-la, ma ni, la dát-na, nê dát-la, na dã (1) phộc thi, cô lỗ, tát lý-
phộc lật-tha, tam bát năng (2) thi kiệt-lãm, ni-lý sắt-tra-diệm, cốt thi, hông (3)”

ॐ वज्रमणि रत्न नेत्र कुशयकारसा मणिकुलं जह

*)OM_ VAJRA-MAṆI-RATNA-NETRA ĀNAYA _ VAŚĪ-KURU SARVA-
ARTHA SAMPAÑNAM_ ŚĪGHRAM DRṢṬĀYA AMKŪŚE HŪM

“Án, phộc nhật-la, ma ni, la dát-na, ma la, bì sãn tả, hông”

ॐ वज्रमणि रत्न मालाअभिषि म्हा हं

*)OM_ VAJRA-MAṆI-RATNA MĀLA-ABHIṢIMCA HŪM

“Án, ma ni, la dát-na, tó lý-duệ, nhập-phộc la dã, tát lý-võng (1) ma hạ đế nhĩ
nễ, hông (2)”

ॐ मणि रत्न सुप्रकृत्य मङ्गलकाम हं

*)OM_ MANI-RATNA SŪRYE-JVALĀYA SARVAM MAHĀ-TEJINI HŪM

“**Án, ma ni, tán nại-la, đặc-phộc nhạ, ngật-lý, hồng**”

ॐ म्म रत्न रूपाय हुँ

*)OM_ MANI-CANDRA DHVAJA-AGRI HŪM

“**Án, ma ni, hạ tây, hạ sa, hồng**”

ॐ म्म नम नम हुँ

*)OM_ MANI-HĀSE HĀSA HŪM

Dùng bước Kim Cương mà tiên dân

Tây: bày Mạn Noa La thứ ba

Trong ấy cần phải y Pháp Nghi

Vẽ hoa sen báu mà vòng khắp

Nơi ấy, các phần vị giáp vòng

Như Giáo đã nói, y thứ tự

Vẽ Bảo Tiêu Xí đều tròn đủ

Vòng khắp với vẽ nơi Bản Án

Đại Minh của nhóm này là:

“**Án, ma ni tam ma đề, bát nột-di nễ, hồng**”

ॐ म्म समये चक्रि हुँ

*)OM_ MANI-SAMĀDHI PADMINI HŪM

“**Án, ma ni, la dát-na, đa nga, tam ma duệ, hồng**”

ॐ म्म र वृ ष्टम समये हुँ

*)OM_ MANI-RATNA TYĀGA-SAMAYE HŪM

“**Án, ma ni, la dát-na, tam ma dā, cô thi, hồng**”

ॐ म्म र वृ समये कोश हुँ

*)OM_ MANI-RATNA SAMAYA KOŚĪ HŪM

“**Án, ma ni, tam ma dā, tác cật-la, hồng**”

ॐ म्म समये चक्र हुँ

*)OM_ MANI-SAMAYA-CAKRA HŪM

“**Án, ma ni, bà sa, ngật-lý, hồng**”

ॐ म्म रूपाय हुँ

*)OM_ MANI-BHĀṢA-AGRI HŪM

Dùng bước Kim Cương, Bắc bày dân

Tối Thượng Mạn Noa La thứ tư

Trong vẽ tướng **Bảo Vũ** (Vajra-vṛṣṭyā) như Nghi

Với **báu Kim Cương** (Vajra-ratnaṃ) đều tròn đủ

Giáp vòng lại vẽ **Yết Ma Án** (Karma-mudrā)

Mỗi mỗi đều như Giáo đã nói

Vẽ Bảo Tiêu Xí y Pháp Nghi

Ở các phần vị như thứ tự

Đại Minh của nhóm này là:

“**Án, la đất-na, một-lý sắt-trí, sa đà dã (1) ma hạ ma ni, hồng (2)**”

ॐ र व वृ ष्टि सधया मन्म हूं

*)OM_ RATNA-VRṢṬI SĀDHAYA MAHĀ-MANI HŪM

“**Án, ma hạ ma ni, bố nhạ, tam ma duệ, niết-lý đa, ác**”

ॐ मन्म पूजा समये नृत्या अह

*)OM_ MAHĀ-MANI-PŪJA-SAMAYE NRṬYA AH

“**Án, ma ni, la đất-na, tam ma dã, lạc xoa, kháng**”

ॐ म्म र व समये रक्ष हूं

*)OM_ MANI-RATNA-SAMAYA RAKṢA HAṀ

“**Án, phộc nhật-la, ma ni, năng sắt-tra-la, cát la la (1) hạ la, hạ ha, hồng (2)**”

ॐ वक्ष म्म दक्ष करे व न र न र हूं

*)OM_ VAJRA-MANI DAMṢṬRA-KARĀLA _HARA HARA HŪM

“**Án, ma ni, tam ma dã, mẫu sắt-trí, hồng**”

ॐ म्म समये ष्टि हूं

*)OM_ MANI-SAMAYA-MUṢṬI HŪM

Đây là hết thầy Pháp Dụng trong **Bảo Bí Mật Mạn Noa La** (Maṇi-guhyamaṇḍala)

Như Giáo đã nói, y theo Pháp làm xong, dẫn Bản Bộ Đệ Tử vào Mạn Noa La, bảo Đệ Tử rằng: “*Nếu có người biết Pháp khác, người chẳng nên đem Pháp bí mật này giao tiếp vì kẻ ấy nói. Không khiến phải chịu khổ nghèo túng lớn, sau khi chết bị đọa trong Địa Ngục*”

Sau đó vì Đệ Tử nói Pháp được sinh ra từ **Bảo Tam Muội Trí** (Maṇi-samayajñānam)

_ Vào **Kim Cương Bảo Tam Ma Địa** (Vajra-ratna-samādhī)

Tưởng trong không, vẽ **báu Kim Cương** (Vajra-ratnam)

Báu ấy lại để ngay trán mình

Tưởng xong, định thành bậc Tự Tại

_ Nên kết **Thắng Tam Muội Ấn Khế** (Samayāgrīṃ-mudrām)

Tưởng trong không, vẽ báu Kim Cương

Báu ấy lại để chỗ Quán Đỉnh

Tưởng xong, liền được **Bảo Quán Đỉnh** (Ratnābhiṣeka)

_ Vào **Đại Pháp Bảo Tam Ma Địa** (Mahā-dharma-ratna-samādhī)

Tưởng trong không, vẽ báu Kim Cương

Ở nơi **Trí Bảo** (Jñāna-ratnam) y Pháp an

Tưởng xong, được thành **Đại Pháp Chủ**

_ Y Pháp nên kết **Yết Ma Ấn** (Karma-mudrām)

Tưởng trong không, vẽ báu Kim Cương

Báu ấy để trong phần vị mình

Tưởng xong, được thành **Yết Ma Chủ**

Đại Minh của nhóm này là:

“**Ma hạ phộc nhật-la, la đất-na, tỳ sẵn tả, hàm**”

महा वज्र रत्नकुण्डलम्

*)MAHĀ-VAJRA-RATNA ABHIṢIṀCA MĀṀ

“Tam ma dā, la dát-na, tỳ sǎn tả, hàm”

समया रत्नकुण्डलम्

*)SAMAYA- RATNA ABHIṢIṀCA MĀṀ

“Đạt lý-ma, la dát-na, tỳ sǎn tả, hàm”

धर्म रत्नकुण्डलम्

*)DHARMA-RATNA ABHIṢIṀCA MĀṀ

“Cát lý-ma, la dát-na, tỳ sǎn tả, hàm”

कर्म रत्नकुण्डलम्

*)KARMA-RATNA ABHIṢIṀCA MĀṀ

_ Két Đại Ân (Mahā-mudrām) ấy nên quán tưởng

Báu Kim Cương lớn (Mahā-vajra-ratnaṃ) hiện trong tim

Báu ấy, tưởng xong như Bản Nghi

Liên được **Pháp Quán Đỉnh** (Abhiṣekaṃ) tối thượng

_ Diệu Đăng Dẫn Tâm, nên quán tưởng

Báu Kim Cương ở ngay vàng trán

Két **Bảo Kim Cương Ân** (Ratna-vajraṃ- mudrām) như Nghi

Tùy chỗ được thành bậc Tụ Tại

_ Vào **Kim Cương Bảo Tam Ma Địa** (Vajra-ratna-samādhī)

Tưởng báu Kim Cương ngay đầu lưỡi

Quán tưởng rõ tâm như Bản Nghi

Liên được **Quán Đỉnh** (Abhiṣekaṃ) **Pháp Vương Vị** (Dharma-rājyatām)

_ Diệu Đăng Dẫn Tâm, nên quán tưởng

Báu Kim Cương ở ngay trong đỉnh

Két **Yết Ma Ân** (Karma-mudrām) ấy như Nghi

Liên thành sự nghiệp bậc Tụ Tại

Đại Minh của nhóm này là:

“**Ân, phộc nhật-la, la dát-na, hột-lý nại dā, tỳ sǎn tả, hô**”

ॐ वज्र रत्न हृदयकुण्डलम्

*)OM_ VAJRA-RATNA HRDAYA-ABHIṢIṀCA HOḤ

“**Ân, phộc nhật-la, la dát-na, tỳ thi ca, dát-la**”

ॐ वज्र रत्नकुण्डलम्

*)OM_ VAJRA-RATNA ABHIṢEKA TRAḤ

“**Ân, phộc nhật-la, la dát-na, nghê-dā na, tỳ sǎn tả, tông**”

ॐ वज्र रत्नकुण्डलम्

*)OM_ VAJRA-RATNA JÑĀNA-ABHIṢIṀCA VAṀ

“**Ân, phộc nhật-la, la dát-nỗ sắt-ni sa, đề đề sắt-xá, hàm**”

ॐ वज्र रत्नकुण्डलम्

*)OM_ VAJRA-RATNA-UṢNĪṢA ADHITIṢṬA MĀṀ

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajra-ratnoṣṇīṣādhiṣṭha sva-mām**)

_Y Pháp tướng vẽ tranh tượng xong
Thân mình tức là báu Kim Cương
Như Giáo quán tướng Đại Ấn thành
Liên được thành tựu bậc Tụ Tại

_Y Pháp tướng vẽ tranh tượng xong
Tức là báu Kim Cương vô thượng
Quán tướng **Tát Đỏa Kim Cương Tôn** (Sattva-vajram)
Liên được **Chúng Tam Muội Chủ Tể** (Samayānām-pati)

_Y Pháp tướng vẽ tranh tượng xong
Thân mình tức là báu Kim Cương
Như Giáo quán tướng **Pháp Ấn** (Dhyāna-mudrām: Thiền Định Ấn) thành
Quyết định được làm **chủ trong Pháp** (Dharma-pati)

_Y Pháp tướng vẽ tranh tượng xong
Tức là **báu Kim Cương vô thượng** (Vajraratnam anuttaram)
Quán tướng **Yết Ma Ấn Khê** (Karma-mudrām) thành
Liên được **Yết Ma Thắng Chủ Tể** (Karmādhīpa)

Đại Minh của nhóm này là:

“Phộc nhật-la, la đất-na, dân ma, đề đề sắt-xá”

𑖀𑖄𑖆𑖅𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕

*)VAJRA-RATNA SĪMA-ADHITIṢṬA

(Bản khác ghi nhận là: **Vajra-ratna-bimbādhiṣṭha**)

“Phộc nhật-la, dân ma, đề sắt-xá”

𑖀𑖄𑖆𑖅𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒𑖓𑖔

*)VAJRA-SĪMA TIṢṬA

(Bản khác ghi nhận là: **Vajra-bimba pratiṣṭha**)

“Phộc nhật-la, la đất-na, dân ma, vĩ xá”

𑖀𑖄𑖆𑖅𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗

*)VAJRA-RATNA SĪMĀVIṢĀ

(Bản khác ghi nhận là: **Vajra-ratna-bimbāvīṣā**)

“Phộc nhật-la, la đất-na, dân ma, cô lỗ”

𑖀𑖄𑖆𑖅𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘

*)VAJRA-RATNA SĪMA- KURU

(Bản khác ghi nhận là: **Vajra-ratna-bimba-kuru**)

_Hết thấy **báu vàng** (Sauvarṇam) hoặc **báu bạc** (Raupyam)
Quán tướng liền thành **báu Kim Cương** (Vajra-ratnam)
Báu khác tạo thành cũng như thế

Tướng hiện ở tim được Quán Định

_Hết thấy báu vàng hoặc báu khác

Tức là **báu Kim Cương vô thượng** (Vajra-ratnam anuttaram)

Y Pháp tướng hiện ở vàng trán

Liên được **tài bảo của quốc vương** (Rāja-mahā-dhana)

_Hết thấy báu vàng hoặc báu khác

Quán tưởng tức là báu Kim Cương
Y Pháp tướng ở ngay trong miệng
Tướng xong, liền được **Ngũ Tự Tại**
_Hết thấy báu vàng hoặc báu khác
Quán tưởng tức là báu Kim Cương
Y Pháp tướng ở ngay trong đỉnh
Liền được **Nhất Thiết Yết Ma Chủ** (Sarva-karma-pati)

Đại Minh của nhóm này là:

“**Án, phộc nhật-la, la đát-na, hột-lý nại dã, bà la noa, hồng**”

ॐ वज्र रत्न हृदय अभारणा हुं

*)OM_VAJRA-RATNA HRDAYA-ABHARANA HUM

“**Án, phộc nhật-la, la đát-na, tỳ thi ca (1) ma hạ lật-la, bát la nại (2)**”

ॐ वज्र रत्न अभिषेक मन्त्र मध्य पद

*)OM_VAJRA-RATNA-ABHISEKA_MAHĀ-ARTHA PRADA

“**Á, phộc nhật-la, la đát-na, phộc tả tắc-bát đề**”

ॐ वज्र रत्न वसुध

*)OM_VAJRA-RATNA VĀCAS-PATI

“**Án, phộc nhật-la, la đát-na, ma hạ cát lý-ma, bát đề**”

ॐ वज्र रत्न मन्त्र कर्म पद

*)OM_VAJRA-RATNA_MAHĀ-KARMA-PATI

Tiếp nói **Bảo Bộ Tam Muội Bí Mật Án Trí Pháp** (Maṇi-kula-samaya-mudrā-rahasya-jñānam)

_Y Pháp tướng **báu Kim Cương lớn** (Mahā-vajra-maṇiṃ)

Báu ấy tức là **cửa sinh ra** (xuất sinh môn)

Vào xong sẽ được **Đại Án** (Mahā-mudrām) thành

Quán tưởng như ứng, được thành tựu

_ **Tối Thắng Tam Muội Bảo Án Khé** (Samayāgryā maṇi-mudrām)

Thắng Tam Muội (Samayāgryā) tức cửa sinh ra

Án ấy kết xong được **Pháp** thành

Ở tất cả chôn được **Quán Đỉnh** (Abhiṣeka)

_Y Pháp kết báu Kim Cương lớn

Pháp Án (Dharma-mudrām) quán tưởng cũng như ứng

Báu ấy tức là cửa sinh ra

Tướng xong sẽ được **Thắng Thành Tựu** (Agra-siddhi)

_ **Yết Ma Bảo Án** (Karma-maṇi-mudrām) y Pháp kết

Án ấy tức là cửa sinh ra

Như Giáo kết xong liền được thành

Vô Thượng Yết Ma Thắng Án Khé (Karmāgrya-mudrām anuttaram)

Đại Minh của nhóm này là:

“**Án, ma hạ tất đề**”

ॐ मन्त्र मङ्गल

*)OM_MAHĀ-SIDDHI

“**Án, tam ma dā, tỳ thi ca, tát đề**”

ॐ ममदाक्षरं (ॐ)

*)OM_ SAMAYA-ABHIṢEKA SIDDHI

“**Án, đạt lý-ma, tát đề**”

ॐ दम (ॐ)

*)OM_ DHARMA-SIDDHI

“**Án, cát lý-ma, tát đề**”

ॐ नम (ॐ)

*)OM_ KARMA-SIDDHI

Tiếp nói hết thầy Đại Án trong Mạn Noa La này
_Ngón trở làm **nanh Kim Cương báu** (Ratna-vajrāṅkurām: Bảo Kim Cương
Nha)

Ngón giữa, vô danh với ngón út

Cùng hợp giương duỗi như Bản Nghi

An trên đỉnh, được **Thắng Thành Tụ** (Agra-siddhi)

_Hai tay cùng hợp Kim Cương Phộc

Đem hai ngón trở cùng móc kết

Ngón cái, vô danh như Kim Cương

Tam Tinh xoay chuyển được Quán Đỉnh

_Y Pháp Dụng của **Bảo Kim Cương** (Ratna-vajra)

Lóng trên ngón trở hợp như cửa

Liên đem Án này xoay chuyển thời

Sẽ được Pháp Quán Đỉnh tối thượng.

_Y Pháp Dụng của **Pháp Kim Cương** (Dharma-vajra)

Liên đem ngón cái với ngón trở

Cùng kết xoay hướng ở vàng trán

Liên được **Đại Pháp Diệu Quán Đỉnh** (Mahā-dharmābhiṣeka)

_**Yết Ma Kim Cương** (Karma-vajra) hai tay hợp

Vàng trắng y Pháp làm xoay chuyển

Liên thành **Nhất Thiết Quán Đỉnh Man** (Sarvābhiṣeka-mālām)

An xong sẽ được Đại Quán Đỉnh

_**Bảo Xuất Sinh Án Thắng Tam Muội** (Ratna-sambhava-mudrām tu samayām)

Từ Kim Cương Giới đã sinh ra

Kết như tướng báu an vàng trán

An xong, liền được Đại Quán Đỉnh

_Đem hai ngón cái cùng móc kết

Tiếp hai ngón trở cùng hợp nhau

Ngón trở lại làm như **cửa báu** (Maṅḍir-mukha: bảo môn)

Thành ấn, được báu Kim Cương lớn

_Hai tay cùng hợp Kim Cương Phộc

Tiếp lại duỗi khắp **Bảo Quyền** (Maṇi-muṣṭim) ấy

Đem hai ngón giữa như hình báu

Liên được **Bảo Man Quán Đỉnh Pháp** (Maṇi-mālābhiṣeka)

_Hai tay cùng hợp Kim Cương Phộc

Đem hai ngón giữa như hình báu

Ngón trỏ, ngón vô danh đều mở
Làm tướng hoa sen được thành tựu
_ Lại hai ngón giữa như hình bấu
Các ngón còn lại đều khởi lên
Quán tướng **Bảo Ân Pháp** như thế
Liên được nhóm quyền thuộc Thiện Diệu
_ Hai tay cùng hợp Kim Cương Phộc
Hai ngón giữa, ngón cái cùng hợp nhau
Hai ngón út, vô danh đều dựng
An miệng thành Ân sẽ được bấu
_ Tức đây, ngón trỏ như Kim Cương
Liên đem ngón trỏ làm tướng Câu (móc câu)
Ngón trỏ nắm ngón trỏ, hình tên (mũi tên)
Sau ngang bằng chưởng (lòng bàn tay) ban vui vẻ
_ Lại hai ngón giữa như hình bấu
Hai ngón trỏ làm tướng hơi co
Hai ngón vô danh, trong (nội: bên trong) như cửa
Đem hai ngón cái che bên trong
Đây tức **Nhật Luân** (Sūrya), thuận xoay chuyển
Duỗi cánh tay lại để trên đỉnh
Thành **Bảo Anh Lạc Thắng Phan Tràng** (Maṇim dhvajāgra-keyūrā)
Sau lại cùng hợp Tiểu Xứ (chỗ lúm đồng tiền) bung
_ Hai tay cùng hợp Kim Cương Phộc
Ngửa mặt ngón cái, ngón vô danh
Án này tướng thành hình hoa sen
Lại hai ngón giữa như tướng bấu
Tức đây, ngón út tướng **Thí Nguyện**
Thành Án **Kim Cương Kiếm** (Vajra-khaḍga) Pháp Dụng
Án đó lại làm **Kim Cương Luân** (Vajra-cakra)
Tức đây, sau ở bên miệng, bung
_ **Nanh Kim Cương bấu** (Vajra-ratnāṅkurāṃ), ngón trỏ làm
Các ngón còn lại đều giương duỗi
Án đó nên an ở đỉnh đầu
Liên hay **tuôn mưa các trân bảo** (ratna-vṛṣṭi)
_ Tức đây **Kim Cương Bảo** (Vajra-ratna) Pháp Dụng
Tướng bấu an tim mà khéo hộ
Ngón trỏ như hình cầm nanh bấu (Maṇi-damṣṭra: bảo nha)
Ngón giữa cùng hợp, làm tướng Quyền

Tiếp, lại nói chung **Tam Muội Ân Trí Pháp** (Samaya-mudrā-jñānam)
_ Các Đại Ân của nhóm như vậy
Đều dùng **Kim Cương Phộc** (Vajra-bandha) cùng hợp
Bí mật, bí mật (Guhya-guhyah) thứ tự thành
Gấp bốn, thành tựu liền sẽ được
_ **Kim Cương bí mật** (Vajra-guhya) như Giáo nói
Phi Thời (chẳng đúng lúc) chẳng nên kết Án Khê
Nay Ta lại nói **Pháp Ân Môn** (Dharma-mudrāḥ)
Án ấy thứ tự nên như vậy

“Đát-lại”

𑄢

*)TRAI

(Bản khác ghi nhận là: **Traih**)

“Ngật-lại”

𑄣

*)GRAI

(Bản khác ghi nhận là: **Graih Haih Saih**)

“Ngật-lý-dã”

*)GRYA

(Bản khác ghi nhận là: **Gryah**)

“Ngật-dà”

*)GDHA

(Bản khác ghi nhận là: **Kha**)

“Đặc-phệ”

𑄤

*)DHVI

(Bản khác ghi nhận là: **Dhvaih**)

“Hứ-duệ”

𑄥

*)HYE

(Bản khác ghi nhận là: **Haih**)

“Đặc-lại”

𑄦

*)DHRAI

(Bản khác ghi nhận là: **Dhraih**)

“Đà-duệ”

𑄧

*)DHYE

(Bản khác ghi nhận là: **Dhyaih**)

“Cật-lại”

𑄨

*)KRAI

(Bản khác ghi nhận là: **Kraih Rai**)

“Phệ cát-dã”

𑄩

*)VIKYA

(Bản khác ghi nhận là: **Vyah**)

“**Lại** (chuyển lười hô) **Duệ** (hô nặng nề)”

𑖂𑖖

*)RAI YE

(Bản khác ghi nhận là: **Maiḥ**)

Hết thảy các **Án** sở dụng (sarva-karmikā) của **Bộ Bí Mật Cúng Đường** (Kulaguhya-pūjā) này đều dùng **Thăng Quyền** (Agra-muṣṭi), y theo Pháp mà làm.

TRÍ MẠN NOA LA QUẢNG ĐẠI NGHI QUỸ
(Jñāna-maṇḍala-vidhi-vistara)
PHẦN THỨ HAI MƯƠI MỐT

_Bây giờ, Đức Thê Tôn lại nhập vào **Nhất Thiết Như Lai Quán Đỉnh Trí Tam Muội Xuất Sinh Gia Trì Tam Ma Địa** (Sarva-tathāgatābhiṣeka-jñāna-samaya-sambhavādhiṣṭhānam samādhi), nói **Tự Bộ Tối Thượng Đại Minh** (Sva-kula-mahāvīdyottamaṃ) này là:

“**Án, tát lý-phộc đát tha nga đa, tỳ thi ca, nghiê-dã nỗ đát ma, hồng**”

𑖂𑖄𑖄𑖔𑖘𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔

*)OM_ SARVA-TATHĀGATA-ABHIṢEKA JÑĀNA-UTTAMA HŪM

_Khi ấy, **Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-pāṇi) nói **Tự Bộ Tối Thượng Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la, la đát-na, tỳ thi ca, tam ma dã, hồng**”

𑖂𑖄𑖄𑖔𑖘𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔

*)OM_ VAJRA-RATNA-ABHIṢEKA SAMAYA HŪM

_Lúc đó, **Kim Cương Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-garbha) nói **Tự Bộ Tối Thượng Đại Minh** này là:

“**Án, ma ni, la đát-na, tỳ thi ca, nghiê-dã na, hồng**”

𑖂𑖄𑖄𑖔𑖘𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔

*)OM_ MAṆI-RATNA-ABHIṢEKA JÑĀNA HŪM

_Bây giờ, **Kim Cương Nhãn Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-netra) nói **Tự Bộ Tối Thượng Đại Minh** này là:

“**Án, đạt lý-ma, tỳ thi ca, nghiê-dã na, hồng**”

𑖂𑖄𑖄𑖔𑖘𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔

*)OM_ DHARMA-ABHIṢEKA JÑĀNA HŪM

_Khi ấy, **Kim Cương Xảo Nghiệp Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-viśva-karma) nói **Tự Bộ Tối Thượng Đại Minh** này là:

“**Án, tát lý-phộc, tỳ thi ca, nghiê-dã nê, hồng**”

𑖂𑖄𑖄𑖔𑖘𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔𑖔

*)OM_ SARVA-ABHIṢEKA JÑĀNE HŪM

_Bây giờ, **Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát** nói **Tự Bộ Trí Mạn Noa La** (Sva-kula-jñāna-maṇḍalaṃ) này. tụng là:

Nay Ta thứ tự sẽ diễn nói
Tối Thượng Tự Trí Mạn Noa La (Sva-jñāna-maṇḍalam uttamam)
Tương ấy giống như Kim Cương Giới
Đây nói tên là **Tự Bảo Trí** (Sva-ratna-jñānam)
Y Đại Mạn Noa La Pháp Dụng
Thứ tự giảng các Mạn Noa La
Vẽ **Tâm Tiêu Xí** (Hṛdi-cihna) tùy Bản Nghi
Pháp Mạn Noa La (Dharma-maṇḍala) Thắng Tác Dụng
Trí Đại Minh (Jñāna-mahā-vidya) trong Mạn Noa La này là:
“**Án, tát lý-phộc, lật-tha, tát đề, ma ni, nghê-dã na, hồng**”
ॐ मन्त्रं त्र्यम्बकं ॐ ह्रीं
)OM_ SARVĀRTHA-SIDDHI MAṆI-JÑĀNA HŪM

“**Án, ma ni, nghê-dã na, hồng**”
ॐ मन्त्रं ह्रीं
)OM_ MAṆI-JÑĀNA HŪM

“**Án, ma ni, nghê-dã năng cô xá**”
ॐ मन्त्रं नमो कुशा
)OM_ MAṆI-JÑĀNĀMKUŚĀ

“**Án, ma ni, nghê-dã na, la nga**”
ॐ मन्त्रं नमो रंगा
)OM_ MAṆI-JÑĀNA RĀGA

“**An, ma ni, nghê-dã na, đồ sắt-trí**”
ॐ मन्त्रं नमो तुष्टि
OM_ MAṆI-JÑĀNA TUṢṬI

“**Án, ma ni, nghê-dã na, nại-lý sắt-trí**”
ॐ मन्त्रं नमो दृष्टि
)OM_ MAṆI-JÑĀNA DRṢṬI
(Bản khác ghi nhận là: **Om_ Jñāna-drṣṭi maṇi hūm**)

“**Án, ma ni, nghê-dã na, tỳ thi ca**”
ॐ मन्त्रं नमो अभिषेका
)OM_ MAṆI-JÑĀNA ABHIṢĒKA

“**Án, ma ni, nghê-dã na, tổ lý-dã**”
ॐ मन्त्रं नमो सूर्या
)OM_ MAṆI-JÑĀNA SŪRYA

“**Án, ma ni, nghê-dã na, đặc-phộc nhạ**”
ॐ मन्त्रं नमो ध्वजा
)OM_ MAṆI-JÑĀNA DHVAJA

“**Án, ma ni, nghê-dã na, tra, hạ sa**”

ॐ म॑ म॒ न्म॒ ज॒ न॒ ह॒ सा
*)OM_ MAṆI-JÑĀNA ATṬA-HĀSA

“Án, ma ni, nghê-dā na, bát nột-ma, hồng”
ॐ म॑ म॒ न्म॒ ज॒ प॒ द्म॒ ह॒
*)OM_ MAṆI-JÑĀNA-PADMA HŪM

“Án, ma ni, nghê-dā na, đa nga”
ॐ म॑ म॒ न्म॒ ज॒ त्प॒ ण
*)OM_ MAṆI-JÑĀNA TYĀGA

“Án, ma ni, nghê-dā na, cô xá”
ॐ म॑ म॒ न्म॒ ज॒ ङ॒ ख॒
*)OM_ MAṆI-JÑĀNA KOŚA

“Án, ma ni, nghê-dā na, tác cật-la”
ॐ म॑ म॒ न्म॒ ज॒ क॒ र॒ क॒
*)OM_ MAṆI-JÑĀNA CAKRA

“Án, ma ni, nghê-dā na, bà sa”
ॐ म॑ म॒ न्म॒ ज॒ भ॒ ष॒
*)OM_ MAṆI-JÑĀNA BHĀṢA

“Án, ma ni, nghê-dā na, phộc lý-sa, hồng”
ॐ म॑ म॒ न्म॒ ज॒ व॒ र॒ ष॒ ह॒
*)OM_ MAṆI-JÑĀNA VARṢA HŪM
(Bản khác ghi nhận là: Om_ Jñāna-maṇi-ratna-varṣa)

“Án, ma ni, nghê-dā na, niết-lý đa, bố nhạ, tam ma dã”
ॐ म॑ म॒ न्म॒ ज॒ नृ॒ त्त॒ प॒ र॒ ङ॒ म॒ म॒ य॒
*)OM_ MAṆI-JÑĀNA NṚTYA-PŪJA-SAMAYA

“Án, ma ni, nghê-dā na, lạc xoa”
ॐ म॑ म॒ न्म॒ ज॒ र॒ क॒ ष॒
*)OM_ MAṆI-JÑĀNA RAKṢA

“Án, ma ni, nghê-dā na, dược xoa”
ॐ म॑ म॒ न्म॒ ज॒ य॒ क॒ ष॒
*)OM_ MAṆI-JÑĀNA YAKṢA

“Án, ma ni, nghê-dā na, mẫu sắt-trí”
ॐ म॑ म॒ न्म॒ ज॒ मु॒ ष्ठी
*)OM_ MAṆI-JÑĀNA MUṢṬI

Hết thầy Pháp Dụng trong Mạn Noa La này đều như **Nghi Quỹ rộng lớn** (Vidhi-vistara) đã nói.

Y theo Pháp làm xong, nên dẫn Đệ Tử vào Mạn Noa La, bảo Đệ Tử rằng: “*Chư Hữu của Thế Gian chẳng biết Pháp. Người chẳng nên đem Pháp bí mật này giao tiếp vì kẻ ấy nói. Không khiến cho trở ngược, chiêu vờ tai vạ, mau bị đứt mạng*”

Tiếp, vì Đệ Tử dạy truyền **Bảo Bộ Pháp Trí** (Maṇi-kula-dharma-jñāna) **Sở Xuất Sinh Pháp**

_Trụ Tam Ma Địa, y Pháp vẽ

Nhóm tranh tượng **Kim Cương Tạng Tôn** (Vajra-garbha)

Nghĩa lợi (Arthāṃ) mong cầu, quán tưởng thành

Liên được Bản Tôn nói *cho báu*

_Trụ Tam Ma Địa (Samādhi) , y Pháp vẽ

Nhóm tranh tượng **Kim Cương Tạng Tôn**

Chỗ cầu nghĩa lợi, quán tưởng thành

Liên được Bản Tôn nói *giúp cho*

_Trụ Tam Ma Địa, y Pháp vẽ

Nhóm tranh tượng **Kim Cương Tạng Tôn**

Đẳng Chí (Samāpatti) tưởng cầu **Môn Chính Pháp** (Sad-dharmam)

Được Bản Tôn nói *cho Pháp Trí* (Dharma-jñānam)

_Trụ Tam Ma Địa, y Pháp vẽ

Nhóm tranh tượng **Kim Cương Tạng Tôn**

Đẳng Chí tưởng cầu mọi **Yết Ma** (Karma)

Được Bản Tôn nói *cho sự nghiệp*

Đại Minh của nhóm này là:

“**Án, nĩ hứ, tát lý-phộc lật-thang (1) bà nga tông, phộc nhật-la, nga lý-bà (2)**”

ॐ ह्रस्वसर्वधुक्त्वं वज्रगर्भ

*)OM_DEHI SARVĀRTHAM BHAGAVAM VAJRA-GARBHA

“**Án, nĩ hứ, tát lý-phộc la đát-nặng (1) bà nga tông, phộc nhật-la, nga lý-bà (2)**”

ॐ ह्रस्वसर्व रत्न वज्रगर्भ

*)OM_DEHI SARVA-RATNA BHAGAVAM VAJRA-GARBHA

“**Án, nĩ hứ, tát đạt lý-ma (1) bà nga tông, phộc nhật-la, tát đát tát đỏa (? nga lý-bà) (2)**”

ॐ ह्रस्वसर्वधुक्त्वं वज्रगर्भ

*)OM_DEHI SAD-DHARMA BHAGAVAM VAJRA-GARBHA

(Bản khác ghi nhận là: **Om_dehi saddharma bhagava vajra-garbha sat-sattva**)

“**Án, nĩ hứ, tát cát lý-ma (1) bà nga tông, phộc nhật-la, nga lý-bà (2)**”

ॐ ह्रस्वसर्वधुक्त्वं वज्रगर्भ

*)OM_DEHI SAD-KARMA BHAGAVAM VAJRA-GARBHA

_Hoặc tại hư không, hoặc phương khác

Diệu Đẳng Dẫn Tâm, nên quán tưởng

Hư Không Tạng Đại Sĩ Tôn ấy

Nghĩa lợi mong cầu được tròn đủ

_Hoặc tại hư không, hoặc phương khác

Diệu Đăng Dẫn Tâm, nên quán tưởng
Hư Không Tạng Đại Sĩ Tôn ấy
Diệu Bảo mong cầu được sinh ra

_Hoặc tại hư không, hoặc phương khác

Diệu Đăng Dẫn Tâm, nên quán tưởng

Hư Không Tạng Đại Sĩ Tôn ấy

Chính Pháp mong cầu được đầy đủ

_Hoặc tại hư không, hoặc phương khác

Diệu Đăng Dẫn Tâm, nên quán tưởng

Hư Không Tạng Đại Sĩ Tôn ấy

Thành tựu Yết Ma Tạng mong cầu

Đại Minh của nhóm này là:

“**Án, nghê-dã na, nga lý-bà, nĩ hứ, tát lý-phộc lật-thang**”

ॐ 嚩 唵 訶 囉 訶 囉 訶 囉 訶 囉

*)OM_ JÑĀNA-GARBHA DEHI SARVĀRTHAM

“**Án, nghê-dã na, nga lý-bà, nĩ hứ, la đát-na**”

ॐ 嚩 唵 訶 囉 訶 囉 囉 囉

*)OM_ JÑĀNA-GARBHA DEHI RATNA

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ Jñāna-garbha dehi sarva-ratnānam**)

“**Án, nghê-dã na, nga lý-bà, nĩ hứ, tát lý-phộc đạt lý-hàm**”

ॐ 嚩 唵 訶 囉 訶 囉 囉 囉 囉 囉

*)OM_ JÑĀNA-GARBHA DEHI SARVA-DHARMAM

“**Án, nghê-dã na, nga lý-bà, nĩ hứ, tát lý-phộc cát lý-hàm**”

ॐ 嚩 唵 訶 囉 訶 囉 囉 囉 囉 囉

*)OM_ JÑĀNA-GARBHA DEHI SARVA-KARMAM

_ Ở tim, tưởng vẽ Kim Cương Tạng

Diệu Đăng Dẫn Tâm, chân thật quán

Nếu hoặc Tim có dao động thời

Liên được Bản Tôn ban tài bảo

_ Ở trán, tưởng vẽ Kim Cương Tạng

Cũng thế y Pháp, chân thật quán

Nếu hoặc đầu có dao động thời

Liên được Bản Tôn cùng Quán Đỉnh

_ Trong miệng, tưởng hiện Kim Cương Tạng

Cũng thế y Pháp, chân thật quán

Nếu hoặc miệng, tưởng khai mở thời

Được Bản Tôn ban **Ngũ Thành Tựu**

_ Trong đỉnh, tưởng hiện Kim Cương Tạng

Y Pháp an bày, chân thật quán

Nếu hoặc đỉnh có hiện ánh sáng

Liên lên hư không mà đi lại

Đại Minh của nhóm này là:

“**Án, hột-ly na dã, nga lý-bà, nĩ hứ, đạt năng**”

ॐ 嚩 唵 訶 囉 訶 囉 囉 囉 囉 囉

Tiếp, nói **Bảo Trí Bí Mật Ấn Trí Pháp** (maṇi-jñāna-rahasya-mudrā-jñānam)

_ Hoa sen, chày Kim Cương cùng hợp

Quán tưởng tức là **Kim Cương Tạng** (Vajra-garbha)

Hoặc tại hư không, hoặc phương khác

Thường được Pháp thành tựu tối thượng

_ Hoa sen, chày Kim Cương cùng hợp

Quán tưởng tức là **Kim Cương Tạng**

Màu vẽ nghiêm lệ, tướng như Nghi

Liên được Bản Tôn ban Quán Đỉnh

_ Hoa sen, chày Kim Cương cùng hợp

Quán tưởng tức là **Kim Cương Tạng**

Điều đã yêu ấy, thành Thiện Ái

Tất cả Thế Gian đều kính yêu

_ Hoa sen, chày Kim Cương cùng hợp

Quán tưởng tức là **Kim Cương Tạng**

Ảnh tượng như bụi đầy hư không

Quyết định được các Pháp thành tựu.

Đại Minh của nhóm này là:

“A ca xá, ngọc hứ-dã, nghệ-dã na, sa đạt dã, hồng”

𑖀𑖩𑖱𑖳𑖴𑖶𑖷𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇𑗈𑗉𑗊𑗋𑗌𑗍𑗎𑗏𑗐𑗑𑗒𑗓𑗔𑗕𑗖𑗗𑗘𑗙𑗚𑗛𑗜𑗝𑗞𑗟𑗠𑗡𑗢𑗣𑗤𑗥𑗦𑗧𑗨𑗩𑗪𑗫𑗬𑗭𑗮𑗯𑗰𑗱𑗲𑗳𑗴𑗵𑗶𑗷𑗸𑗹𑗺𑗻𑗼𑗽𑗾𑗿𑘀𑘁𑘂𑘃𑘄𑘅𑘆𑘇𑘈𑘉𑘊𑘋𑘌𑘍𑘎𑘏𑘐𑘑𑘒𑘓𑘔𑘕𑘖𑘗𑘘𑘙𑘚𑘛𑘜𑘝𑘞𑘟𑘠𑘡𑘢𑘣𑘤𑘥𑘦𑘧𑘨𑘩𑘪𑘫𑘬𑘭𑘮𑘯𑘰𑘱𑘲𑘳𑘴𑘵𑘶𑘷𑘸𑘹𑘺𑘻𑘼𑘽𑘾𑘿𑙀𑙁𑙂𑙃𑙄𑙅𑙆𑙇𑙈𑙉𑙊𑙋𑙌𑙍𑙎𑙏𑙐𑙑𑙒𑙓𑙔𑙕𑙖𑙗𑙘𑙙𑙚𑙛𑙜𑙝𑙞𑙟𑙠𑙡𑙢𑙣𑙤𑙥𑙦𑙧𑙨𑙩𑙪𑙫𑙬𑙭𑙮𑙯𑙰𑙱𑙲𑙳𑙴𑙵𑙶𑙷𑙸𑙹𑙺𑙻𑙼𑙽𑙾𑙿𑚀𑚁𑚂𑚃𑚄𑚅𑚆𑚇𑚈𑚉𑚊𑚋𑚌𑚍𑚎𑚏𑚐𑚑𑚒𑚓𑚔𑚕𑚖𑚗𑚘𑚙𑚚𑚛𑚜𑚝𑚞𑚟𑚠𑚡𑚢𑚣𑚤𑚥𑚦𑚧𑚨𑚩𑚪𑚫𑚬𑚭𑚮𑚯𑚰𑚱𑚲𑚳𑚴𑚵𑚷𑚶𑚸𑚹𑚺𑚻𑚼𑚽𑚾𑚿𑛀𑛁𑛂𑛃𑛄𑛅𑛆𑛇𑛈𑛉𑛊𑛋𑛌𑛍𑛎𑛏𑛐𑛑𑛒𑛓𑛔𑛕𑛖𑛗𑛘𑛙𑛚𑛛𑛜𑛝𑛞𑛟𑛠𑛡𑛢𑛣𑛤𑛥𑛦𑛧𑛨𑛩𑛪𑛫𑛬𑛭𑛮𑛯𑛰𑛱𑛲𑛳𑛴𑛵𑛶𑛷𑛸𑛹𑛺𑛻𑛼𑛽𑛾𑛿𑜀𑜁𑜂𑜃𑜄𑜅𑜆𑜇𑜈𑜉𑜊𑜋𑜌𑜍𑜎𑜏𑜐𑜑𑜒𑜓𑜔𑜕𑜖𑜗𑜘𑜙𑜚𑜛𑜜𑜝𑜞𑜟𑜠𑜡𑜢𑜣𑜤𑜥𑜦𑜧𑜨𑜩𑜪𑜫𑜬𑜭𑜮𑜯𑜰𑜱𑜲𑜳𑜴𑜵𑜶𑜷𑜸𑜹𑜺𑜻𑜼𑜽𑜾𑜿𑝀𑝁𑝂𑝃𑝄𑝅𑝆𑝇𑝈𑝉𑝊𑝋𑝌𑝍𑝎𑝏𑝐𑝑𑝒𑝓𑝔𑝕𑝖𑝗𑝘𑝙𑝚𑝛𑝜𑝝𑝞𑝟𑝠𑝡𑝢𑝣𑝤𑝥𑝦𑝧𑝨𑝩𑝪𑝫𑝬𑝭𑝮𑝯𑝰𑝱𑝲𑝳𑝴𑝵𑝶𑝷𑝸𑝹𑝺𑝻𑝼𑝽𑝾𑝿𑞀𑞁𑞂𑞃𑞄𑞅𑞆𑞇𑞈𑞉𑞊𑞋𑞌𑞍𑞎𑞏𑞐𑞑𑞒𑞓𑞔𑞕𑞖𑞗𑞘𑞙𑞚𑞛𑞜𑞝𑞞𑞟𑞠𑞡𑞢𑞣𑞤𑞥𑞦𑞧𑞨𑞩𑞪𑞫𑞬𑞭𑞮𑞯𑞰𑞱𑞲𑞳𑞴𑞵𑞶𑞷𑞸𑞹𑞺𑞻𑞼𑞽𑞾𑞿𑟀𑟁𑟂𑟃𑟄𑟅𑟆𑟇𑟈𑟉𑟊𑟋𑟌𑟍𑟎𑟏𑟐𑟑𑟒𑟓𑟔𑟕𑟖𑟗𑟘𑟙𑟚𑟛𑟜𑟝𑟞𑟟𑟠𑟡𑟢𑟣𑟤𑟥𑟦𑟧𑟨𑟩𑟪𑟫𑟬𑟭𑟮𑟯𑟰𑟱𑟲𑟳𑟴𑟵𑟶𑟷𑟸𑟹𑟺𑟻𑟼𑟽𑟾𑟿𑠀𑠁𑠂𑠃𑠄𑠅𑠆𑠇𑠈𑠉𑠊𑠋𑠌𑠍𑠎𑠏𑠐𑠑𑠒𑠓𑠔𑠕𑠖𑠗𑠘𑠙𑠚𑠛𑠜𑠝𑠞𑠟𑠠𑠡𑠢𑠣𑠤𑠥𑠦𑠧𑠨𑠩𑠪𑠫𑠬𑠭𑠮𑠯𑠰𑠱𑠲𑠳𑠴𑠵𑠶𑠷𑠸𑠺𑠹𑠻𑠼𑠽𑠾𑠿𑡀𑡁𑡂𑡃𑡄𑡅𑡆𑡇𑡈𑡉𑡊𑡋𑡌𑡍𑡎𑡏𑡐𑡑𑡒𑡓𑡔𑡕𑡖𑡗𑡘𑡙𑡚𑡛𑡜𑡝𑡞𑡟𑡠𑡡𑡢𑡣𑡤𑡥𑡦𑡧𑡨𑡩𑡪𑡫𑡬𑡭𑡮𑡯𑡰𑡱𑡲𑡳𑡴𑡵𑡶𑡷𑡸𑡹𑡺𑡻𑡼𑡽𑡾𑡿𑢀𑢁𑢂𑢃𑢄𑢅𑢆𑢇𑢈𑢉𑢊𑢋𑢌𑢍𑢎𑢏𑢐𑢑𑢒𑢓𑢔𑢕𑢖𑢗𑢘𑢙𑢚𑢛𑢜𑢝𑢞𑢟𑢠𑢡𑢢𑢣𑢤𑢥𑢦𑢧𑢨𑢩𑢪𑢫𑢬𑢭𑢮𑢯𑢰𑢱𑢲𑢳𑢴𑢵𑢶𑢷𑢸𑢹𑢺𑢻𑢼𑢽𑢾𑢿𑣀𑣁𑣂𑣃𑣄𑣅𑣆𑣇𑣈𑣉𑣊𑣋𑣌𑣍𑣎𑣏𑣐𑣑𑣒𑣓𑣔𑣕𑣖𑣗𑣘𑣙𑣚𑣛𑣜𑣝𑣞𑣟𑣠𑣡𑣢𑣣𑣤𑣥𑣦𑣧𑣨𑣩𑣪𑣫𑣬𑣭𑣮𑣯𑣰𑣱𑣲𑣳𑣴𑣵𑣶𑣷𑣸𑣹𑣺𑣻𑣼𑣽𑣾𑣿𑤀𑤁𑤂𑤃𑤄𑤅𑤆𑤇𑤈𑤉𑤊𑤋𑤌𑤍𑤎𑤏𑤐𑤑𑤒𑤓𑤔𑤕𑤖𑤗𑤘𑤙𑤚𑤛𑤜𑤝𑤞𑤟𑤠𑤡𑤢𑤣𑤤𑤥𑤦𑤧𑤨𑤩𑤪𑤫𑤬𑤭𑤮𑤯𑤰𑤱𑤲𑤳𑤴𑤵𑤶𑤷𑤸𑤹𑤺𑤻𑤼𑤽𑤾𑤿𑥀𑥁𑥂𑥃𑥄𑥅𑥆𑥇𑥈𑥉𑥊𑥋𑥌𑥍𑥎𑥏𑥐𑥑𑥒𑥓𑥔𑥕𑥖𑥗𑥘𑥙𑥚𑥛𑥜𑥝𑥞𑥟𑥠𑥡𑥢𑥣𑥤𑥥𑥦𑥧𑥨𑥩𑥪𑥫𑥬𑥭𑥮𑥯𑥰𑥱𑥲𑥳𑥴𑥵𑥶𑥷𑥸𑥹𑥺𑥻𑥼𑥽𑥾𑥿𑦀𑦁𑦂𑦃𑦄𑦅𑦆𑦇𑦈𑦉𑦊𑦋𑦌𑦍𑦎𑦏𑦐𑦑𑦒𑦓𑦔𑦕𑦖𑦗𑦘𑦙𑦚𑦛𑦜𑦝𑦞𑦟𑦠𑦡𑦢𑦣𑦤𑦥𑦦𑦧𑦨𑦩𑦪𑦫𑦬𑦭𑦮𑦯𑦰𑦱𑦲𑦳𑦴𑦵𑦶𑦷𑦸𑦹𑦺𑦻𑦼𑦽𑦾𑦿𑧀𑧁𑧂𑧃𑧄𑧅𑧆𑧇𑧈𑧉𑧊𑧋𑧌𑧍𑧎𑧏𑧐𑧑𑧒𑧓𑧔𑧕𑧖𑧗𑧘𑧙𑧚𑧛𑧜𑧝𑧞𑧟𑧠𑧡𑧢𑧣𑧤𑧥𑧦𑧧𑧨𑧩𑧪𑧫𑧬𑧭𑧮𑧯𑧰𑧱𑧲𑧳𑧴𑧵𑧶𑧷𑧸𑧹𑧺𑧻𑧼𑧽𑧾𑧿𑨀𑨁𑨂𑨃𑨄𑨅𑨆𑨇𑨈𑨉𑨊𑨋𑨌𑨍𑨎𑨏𑨐𑨑𑨒𑨓𑨔𑨕𑨖𑨗𑨘𑨙𑨚𑨛𑨜𑨝𑨞𑨟𑨠𑨡𑨢𑨣𑨤𑨥𑨦𑨧𑨨𑨩𑨪𑨫𑨬𑨭𑨮𑨯𑨰𑨱𑨲𑨳𑨴𑨵𑨶𑨷𑨸𑨹𑨺𑨻𑨼𑨽𑨾𑨿𑩀𑩁𑩂𑩃𑩄𑩅𑩆𑩇𑩈𑩉𑩊𑩋𑩌𑩍𑩎𑩏𑩐𑩑𑩒𑩓𑩔𑩕𑩖𑩗𑩘𑩙𑩚𑩛𑩜𑩝𑩞𑩟𑩠𑩡𑩢𑩣𑩤𑩥𑩦𑩧𑩨𑩩𑩪𑩫𑩬𑩭𑩮𑩯𑩰𑩱𑩲𑩳𑩴𑩵𑩶𑩷𑩸𑩹𑩺𑩻𑩼𑩽𑩾𑩿𑪀𑪁𑪂𑪃𑪄𑪅𑪆𑪇𑪈𑪉𑪊𑪋𑪌𑪍𑪎𑪏𑪐𑪑𑪒𑪓𑪔𑪕𑪖𑪗𑪘𑪙𑪚𑪛𑪜𑪝𑪞𑪟𑪠𑪡𑪢𑪣𑪤𑪥𑪦𑪧𑪨𑪩𑪪𑪫𑪬𑪭𑪮𑪯𑪰𑪱𑪲𑪳𑪴𑪵𑪶𑪷𑪸𑪹𑪺𑪻𑪼𑪽𑪾𑪿𑫀𑫁𑫂𑫃𑫄𑫅𑫆𑫇𑫈𑫉𑫊𑫋𑫌𑫍𑫎𑫏𑫐𑫑𑫒𑫓𑫔𑫕𑫖𑫗𑫘𑫙𑫚𑫛𑫜𑫝𑫞𑫟𑫠𑫡𑫢𑫣𑫤𑫥𑫦𑫧𑫨𑫩𑫪𑫫𑫬𑫭𑫮𑫯𑫰𑫱𑫲𑫳𑫴𑫵𑫶𑫷𑫸𑫹𑫺𑫻𑫼𑫽𑫾𑫿𑬀𑬁𑬂𑬃𑬄𑬅𑬆𑬇𑬈𑬉𑬊𑬋𑬌𑬍𑬎𑬏𑬐𑬑𑬒𑬓𑬔𑬕𑬖𑬗𑬘𑬙𑬚𑬛𑬜𑬝𑬞𑬟𑬠𑬡𑬢𑬣𑬤𑬥𑬦𑬧𑬨𑬩𑬪𑬫𑬬𑬭𑬮𑬯𑬰𑬱𑬲𑬳𑬴𑬵𑬶𑬷𑬸𑬹𑬺𑬻𑬼𑬽𑬾𑬿𑭀𑭁𑭂𑭃𑭄𑭅𑭆𑭇𑭈𑭉𑭊𑭋𑭌𑭍𑭎𑭏𑭐𑭑𑭒𑭓𑭔𑭕𑭖𑭗𑭘𑭙𑭚𑭛𑭜𑭝𑭞𑭟𑭠𑭡𑭢𑭣𑭤𑭥𑭦𑭧𑭨𑭩𑭪𑭫𑭬𑭭𑭮𑭯𑭰𑭱𑭲𑭳𑭴𑭵𑭶𑭷𑭸𑭹𑭺𑭻𑭼𑭽𑭾𑭿𑮀𑮁𑮂𑮃𑮄𑮅𑮆𑮇𑮈𑮉𑮊𑮋𑮌𑮍𑮎𑮏𑮐𑮑𑮒𑮓𑮔𑮕𑮖𑮗𑮘𑮙𑮚𑮛𑮜𑮝𑮞𑮟𑮠𑮡𑮢𑮣𑮤𑮥𑮦𑮧𑮨𑮩𑮪𑮫𑮬𑮭𑮮𑮯𑮰𑮱𑮲𑮳𑮴𑮵𑮶𑮷𑮸𑮹𑮺𑮻𑮼𑮽𑮾𑮿𑯀𑯁𑯂𑯃𑯄𑯅𑯆𑯇𑯈𑯉𑯊𑯋𑯌𑯍𑯎𑯏𑯐𑯑𑯒𑯓𑯔𑯕𑯖𑯗𑯘𑯙𑯚𑯛𑯜𑯝𑯞𑯟𑯠𑯡𑯢𑯣𑯤𑯥𑯦𑯧𑯨𑯩𑯪𑯫𑯬𑯭𑯮𑯯𑯰𑯱𑯲𑯳𑯴𑯵𑯶𑯷𑯸𑯹𑯺𑯻𑯼𑯽𑯾𑯿𑰀𑰁𑰂𑰃𑰄𑰅𑰆𑰇𑰈𑰉𑰊𑰋𑰌𑰍𑰎𑰏𑰐𑰑𑰒𑰓𑰔𑰕𑰖𑰗𑰘𑰙𑰚𑰛𑰜𑰝𑰞𑰟𑰠𑰡𑰢𑰣𑰤𑰥𑰦𑰧𑰨𑰩𑰪𑰫𑰬𑰭𑰮𑰯𑰰𑰱𑰲𑰳𑰴𑰵𑰶𑰷𑰸𑰹𑰺𑰻𑰼𑰽𑰾𑰿𑱀𑱁𑱂𑱃𑱄𑱅𑱆𑱇𑱈𑱉𑱊𑱋𑱌𑱍𑱎𑱏𑱐𑱑𑱒𑱓𑱔𑱕𑱖𑱗𑱘𑱙𑱚𑱛𑱜𑱝𑱞𑱟𑱠𑱡𑱢𑱣𑱤𑱥𑱦𑱧𑱨𑱩𑱪𑱫𑱬𑱭𑱮𑱯𑱰𑱱𑱲𑱳𑱴𑱵𑱶𑱷𑱸𑱹𑱺𑱻𑱼𑱽𑱾𑱿𑲀𑲁𑲂𑲃𑲄𑲅𑲆𑲇𑲈𑲉𑲊𑲋𑲌𑲍𑲎𑲏𑲐𑲑𑲒𑲓𑲔𑲕𑲖𑲗𑲘𑲙𑲚𑲛𑲜𑲝𑲞𑲟𑲠𑲡𑲢𑲣𑲤𑲥𑲦𑲧𑲨𑲩𑲪𑲫𑲬𑲭𑲮𑲯𑲰𑲱𑲲𑲳𑲴𑲵𑲶𑲷𑲸𑲹𑲺𑲻𑲼𑲽𑲾𑲿𑳀𑳁𑳂𑳃𑳄𑳅𑳆𑳇𑳈𑳉𑳊𑳋𑳌𑳍𑳎𑳏𑳐𑳑𑳒𑳓𑳔𑳕𑳖𑳗𑳘𑳙𑳚𑳛𑳜𑳝𑳞𑳟𑳠𑳡𑳢𑳣𑳤𑳥𑳦𑳧𑳨𑳩𑳪𑳫𑳬𑳭𑳮𑳯𑳰𑳱𑳲𑳳𑳴𑳵𑳶𑳷𑳸𑳹𑳺𑳻𑳼𑳽𑳾𑳿𑴀𑴁𑴂𑴃𑴄𑴅𑴆𑴇𑴈𑴉𑴊𑴋𑴌𑴍𑴎𑴏𑴐𑴑𑴒𑴓𑴔𑴕𑴖𑴗𑴘𑴙𑴚𑴛𑴜𑴝𑴞𑴟𑴠𑴡𑴢𑴣𑴤𑴥𑴦𑴧𑴨𑴩𑴪𑴫𑴬𑴭𑴮𑴯𑴰𑴱𑴲𑴳𑴴𑴵𑴶𑴷𑴸𑴹𑴺𑴻𑴼𑴽𑴾𑴿𑵀𑵁𑵂𑵃𑵄𑵅𑵆𑵇𑵈𑵉𑵊𑵋𑵌𑵍𑵎𑵏𑵐𑵑𑵒𑵓𑵔𑵕𑵖𑵗𑵘𑵙𑵚𑵛𑵜𑵝𑵞𑵟𑵠𑵡𑵢𑵣𑵤𑵥𑵦𑵧𑵨𑵩𑵪𑵫𑵬𑵭𑵮𑵯𑵰𑵱𑵲𑵳𑵴𑵵𑵶𑵷𑵸𑵹𑵺𑵻𑵼𑵽𑵾𑵿𑶀𑶁𑶂𑶃𑶄𑶅𑶆𑶇𑶈𑶉𑶊𑶋𑶌𑶍𑶎𑶏𑶐𑶑𑶒𑶓𑶔𑶕𑶖𑶗𑶘𑶙𑶚𑶛𑶜𑶝𑶞𑶟𑶠𑶡𑶢𑶣𑶤𑶥𑶦𑶧𑶨𑶩𑶪𑶫𑶬𑶭𑶮𑶯𑶰𑶱𑶲𑶳𑶴𑶵𑶶𑶷𑶸𑶹𑶺𑶻𑶼𑶽𑶾𑶿𑷀𑷁𑷂𑷃𑷄𑷅𑷆𑷇𑷈𑷉𑷊𑷋𑷌𑷍𑷎𑷏𑷐𑷑𑷒𑷓𑷔𑷕𑷖𑷗𑷘𑷙𑷚𑷛𑷜𑷝𑷞𑷟𑷠𑷡𑷢𑷣𑷤𑷥𑷦𑷧𑷨𑷩𑷪𑷫𑷬𑷭𑷮𑷯𑷰𑷱𑷲𑷳𑷴𑷵𑷶𑷷𑷸𑷹𑷺𑷻𑷼𑷽𑷾𑷿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕𑸖𑸗𑸘𑸙𑸚𑸛𑸜𑸝𑸞𑸟𑸠𑸡𑸢𑸣𑸤𑸥𑸦𑸧𑸨𑸩𑸪𑸫𑸬𑸭𑸮𑸯𑸰𑸱𑸲𑸳𑸴𑸵𑸶𑸷𑸸𑸹𑸺𑸻𑸼𑸽𑸾𑸿𑹀𑹁𑹂𑹃𑹄𑹅𑹆𑹇𑹈𑹉𑹊𑹋𑹌𑹍𑹎𑹏𑹐𑹑𑹒𑹓𑹔𑹕𑹖𑹗𑹘𑹙𑹚𑹛𑹜𑹝𑹞𑹟𑹠𑹡𑹢𑹣𑹤𑹥𑹦𑹧𑹨𑹩𑹪𑹫𑹬𑹭𑹮𑹯𑹰𑹱𑹲𑹳𑹴𑹵𑹶𑹷𑹸𑹹𑹺𑹻𑹼𑹽𑹾𑹿𑺀𑺁𑺂𑺃𑺄𑺅𑺆𑺇𑺈𑺉𑺊𑺋𑺌𑺍𑺎𑺏𑺐𑺑𑺒𑺓𑺔𑺕𑺖𑺗𑺘𑺙𑺚𑺛𑺜𑺝𑺞𑺟𑺠𑺡𑺢𑺣𑺤𑺥𑺦𑺧𑺨𑺩𑺪𑺫𑺬𑺭𑺮𑺯𑺰𑺱𑺲𑺳𑺴𑺵𑺶𑺷𑺸𑺹𑺺𑺻𑺼𑺽𑺾𑺿𑻀𑻁𑻂𑻃𑻄𑻅𑻆𑻇𑻈𑻉𑻊𑻋𑻌𑻍𑻎𑻏𑻐𑻑𑻒𑻓𑻔𑻕𑻖𑻗𑻘𑻙𑻚𑻛𑻜𑻝𑻞𑻟𑻠𑻡𑻢𑻣𑻤𑻥𑻦𑻧𑻨𑻩𑻪𑻫𑻬𑻭𑻮𑻯𑻰𑻱𑻲𑻳𑻴𑻵𑻶𑻷𑻸𑻹𑻺𑻻𑻼𑻽𑻾𑻿𑼀𑼁𑼂𑼃𑼄𑼅𑼆𑼇𑼈𑼉𑼊𑼋𑼌𑼍𑼎𑼏𑼐𑼑𑼒𑼓𑼔𑼕𑼖𑼗𑼘𑼙𑼚𑼛𑼜𑼝𑼞𑼟𑼠𑼡𑼢𑼣𑼤𑼥𑼦𑼧𑼨𑼩𑼪𑼫𑼬𑼭𑼮𑼯𑼰𑼱𑼲𑼳𑼴𑼵𑼶𑼷𑼸𑼹𑼺𑼻𑼼𑼽𑼾𑼿𑽀𑽁𑽂𑽃𑽄𑽅𑽆𑽇𑽈𑽉𑽊𑽋𑽌𑽍𑽎𑽏𑽐𑽑𑽒𑽓𑽔𑽕𑽖𑽗𑽘𑽙𑽚𑽛𑽜𑽝𑽞𑽟𑽠𑽡𑽢𑽣𑽤𑽥𑽦𑽧𑽨𑽩𑽪𑽫𑽬𑽭𑽮𑽯𑽰𑽱𑽲𑽳𑽴𑽵𑽶𑽷𑽸𑽹𑽺𑽻𑽼𑽽𑽾𑽿𑾀𑾁𑾂𑾃𑾄𑾅𑾆𑾇𑾈𑾉𑾊𑾋𑾌𑾍𑾎𑾏𑾐𑾑𑾒𑾓𑾔𑾕𑾖𑾗𑾘𑾙𑾚𑾛𑾜𑾝𑾞𑾟𑾠𑾡𑾢𑾣𑾤𑾥𑾦𑾧𑾨𑾩𑾪𑾫𑾬𑾭𑾮𑾯𑾰𑾱𑾲𑾳𑾴𑾵𑾶𑾷𑾸𑾹𑾺𑾻𑾼𑾽𑾾𑾿𑿀𑿁𑿂𑿃𑿄𑿅𑿆𑿇𑿈𑿉𑿊𑿋𑿌𑿍𑿎𑿏𑿐𑿑𑿒𑿓𑿔𑿕𑿖𑿗𑿘𑿙𑿚𑿛𑿜𑿝𑿞𑿟𑿠𑿡𑿢𑿣𑿤𑿥𑿦𑿧𑿨𑿩𑿪𑿫𑿬𑿭𑿮𑿯𑿰𑿱𑿲𑿳𑿴𑿵𑿶𑿷𑿸𑿹𑿺𑿻𑿼𑿽𑿾𑿿𑀀𑀁𑀂𑀃𑀄𑀅𑀆𑀇𑀈𑀉𑀊𑀋𑀌𑀍𑀎𑀏𑀐𑀑𑀒𑀓𑀔𑀕𑀖𑀗𑀘𑀙𑀚𑀛𑀜𑀝𑀞𑀟𑀠𑀡𑀢𑀣𑀤𑀥𑀦𑀧𑀨𑀩𑀪𑀫𑀬𑀭𑀮𑀯𑀰𑀱𑀲𑀳𑀴𑀵𑀶𑀷𑀸𑀹𑀺𑀻𑀼𑀽𑀾𑀿𑁀𑁁𑁂𑁃𑁄𑁅𑁆𑁇𑁈𑁉𑁊𑁋𑁌𑁍𑁎𑁏𑁐𑁑𑁒𑁓𑁔𑁕𑁖𑁗𑁘𑁙𑁚𑁛𑁜𑁝𑁞𑁟𑁠𑁡𑁢𑁣𑁤𑁥𑁦𑁧𑁨𑁩𑁪𑁫𑁬𑁭𑁮𑁯𑁰𑁱𑁲𑁳𑁴𑁵𑁶𑁷𑁸𑁹𑁺𑁻𑁼𑁽𑁾𑁿𑂀𑂁𑂂𑂃𑂄𑂅𑂆𑂇𑂈𑂉𑂊𑂋𑂌𑂍𑂎𑂏𑂐𑂑𑂒𑂓𑂔𑂕𑂖𑂗𑂘𑂙𑂚𑂛𑂜𑂝𑂞𑂟𑂠𑂡𑂢𑂣𑂤𑂥𑂦𑂧𑂨𑂩𑂪𑂫𑂬𑂭𑂮𑂯𑂰𑂱𑂲𑂳𑂴𑂵𑂶𑂷𑂸𑂺𑂹𑂻𑂼𑂽𑂾𑂿𑃀𑃁𑃂𑃃𑃄𑃅𑃆𑃇𑃈𑃉𑃊𑃋𑃌𑃍𑃎𑃏𑃐𑃑𑃒𑃓𑃔𑃕𑃖𑃗𑃘𑃙𑃚𑃛𑃜𑃝𑃞𑃟𑃠𑃡𑃢𑃣𑃤𑃥𑃦𑃧𑃨𑃩𑃪

ྐ

*)TĪ

(Bản khác ghi nhận là: **Teh**)

“**Ké**”

ྐ

*)KĪ

(Bản khác ghi nhận là: **Keḥ**)

“**Hạ**”

ྐ

*)HĀ

(Bản khác ghi nhận là: **Hāḥ Dham**)

“**Đé**”

ྐ

*)TĪ

(Bản khác ghi nhận là: **Tīḥ**)

“**Hệ**”

ྐ

*)HĪ

(Bản khác ghi nhận là: **He**)

“**Bà**”

ྐ

*)BHĀ

(Bản khác ghi nhận là: **Bhā Ka Ra Yaḥ Saḥ**)

Các Yết Ma Ân (Sarva-karma-mudrā) của hết thầy Bộ này, như Giáo thứ tự tùy theo chỗ mà an bày

PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA
HIỆN CHỨNG TAM MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG
QUYỀN THỨ HAI MƯỜI BA (Hết)